

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 23-9-2020

V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Hoa Hạnh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đặng Minh Lý;

2. Bà Nguyễn Thị Thu Hương.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hồ Thị Hằng - *Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.*

**- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa:** Bà Lưu Kim Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 353/2020/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2020 về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Minh T, sinh năm 1982. Địa chỉ: đường N11, khu phố 3, phường P, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Bà Phan Thị Bích L, sinh năm 1984. Địa chỉ: khối D2, nhà ở an sinh xã hội B, tổ 2, khu phố 8, phường Đ, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (có đơn xin xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/7/2020 nguyên đơn ông Lê Minh T trình bày:**

Ông Lê Minh T và bà Phan Thị Bích L tự nguyện tìm hiểu, tiến đến hôn nhân vào năm 2013 có đăng ký kết hôn với nhau tại UBND phường P, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Trong cuộc sống giữa vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, mỗi người một ý dẫn đến cãi nhau, mâu thuẫn kéo dài. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do trong cách cư xử, thiếu sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, trong việc chăm sóc, nuôi dạy con cái và ngay cả trong vấn đề tài chính. Mâu thuẫn kéo dài và nhiều lần nghĩ đến việc ly hôn nhưng vợ chồng ông T, bà L vẫn cố gắng hòa giải để cùng nuôi dạy con cái nhưng sau đó mọi việc không khắc phục được. Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và mục đích hôn nhân không đạt được nên ông T yêu cầu Tòa án giải quyết để ly hôn với bà Phan Thị Bích L. Quá trình sống chung, ông T và bà L có 02 con chung là cháu Lê Hoàng Minh N, sinh ngày 26/4/2014 và cháu Lê Hà M, sinh ngày 15/5/2019. Sau khi ly hôn ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con. Lý do yêu cầu nuôi con chung vì từ khi sinh con cho đến thời điểm hiện tại bà L không chăm sóc và lo lắng

cho con, không biết nấu ăn, không có trách nhiệm với các con, bà L chỉ biết chăm lo cho bản thân.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Bị đơn là bà Phan Thị Bích L trình bày:** Bà Liên thông nhất với lời trình bày của ông Lê Minh T về thời gian kết hôn và đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống thì thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, nhưng sau đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi nhau, vợ chồng thiếu sự tôn trọng, xưng hô mây tao, bà L đã cố gắng khắc phục nhưng không có kết quả. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng tình cảm bà L dành cho ông T không thay đổi sau nhiều năm chung sống. Bà đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông T. Về con chung, bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Lê Hoàng Minh N, sinh ngày 26/4/2014 và cháu Lê Hà M, sinh ngày 15/5/2019. Về cấp dưỡng nuôi con thì bà L yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 3.000.000 đồng/tháng. Về tài sản chung, nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Tại phiên tòa, các đương sự đều có đơn xin vắng mặt và không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa có ý kiến: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đầy đủ, đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát không có kiến nghị sửa chữa, bổ sung gì về phần thủ tục. Về nội dung, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận thuận tình ly hôn, về con chung thì đề nghị giao con cho bà L nuôi dưỡng vì hiện tại 02 con còn nhỏ, ông T cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 3.000.000đ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn ông Lê Minh T khởi kiện tranh chấp yêu cầu được ly hôn với bị đơn bà Phan Thị Bích L. Bị đơn bà Phan Thị Bích L đang cư ngụ tại địa chỉ số khối D2, nhà ở an sinh xã hội B, tổ 2, khu phố 8, phường Đ, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một theo Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn ông Lê Minh T và bị đơn bà Phan Thị Bích L đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T và bà L.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ông Lê Minh T và bà Phan Thị Bích L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 2013 tại UBND phường P, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 13, quyển số 01/2013 ngày 04/6/2013 nên quan hệ hôn nhân giữa hai người là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Ông T yêu cầu được ly hôn với bà L vì cho rằng trong quá trình chung sống thì thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, nhưng sau đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông T và bà L đã cố gắng hòa giải những mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Quá trình giải quyết vụ án về quan hệ hôn nhân thì ông T và bà L đã

thống nhất thuận tình ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Lê Minh T và bà Phan Thị Bích L.

[2.2] Về con chung: Quá trình giải quyết vụ án, cả ông T và bà L đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Lê Hoàng Minh N, sinh ngày 26/4/2014 và cháu Lê Hà M, sinh ngày 15/5/2019. Hội đồng xét xử nhận thấy, cháu Lê Hà M, sinh ngày 15/5/2019 chưa đủ 36 tháng tuổi nên giao cháu M cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Đối với cháu Lê Hoàng Minh N, sinh ngày 26/4/2014, xét do cháu N chưa đủ 7 tuổi nên không tiến hành hỏi ý kiến về nguyện vọng sống cùng cha hay mẹ, để tránh làm ảnh hưởng tâm lý của các cháu cần giữ ổn định cho cháu N và cháu M, ngoài ra do công việc ông T công tác xa nhà hơn bà L (ông T công tác tại Chơn Thành, tỉnh Bình Phước). Do đó, giao cháu Lê Hoàng Minh N cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng sẽ thuận tiện hơn. Ông T được thăm nom và chăm sóc con chung, bà L không được quyền cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Phan Thị Bích L yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng/con. Xét thấy: Qua các tài liệu thu thập, thể hiện ông T và bà L đều có nguồn thu nhập ổn định, bà L có mức thu nhập cao hơn ông T. Tuy nhiên, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà L có cơ sở nên chấp nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết do đương sự không có yêu cầu.

Từ những nhận định trên, công nhận thuận tình ly hôn giữa ông T và bà L; không chấp nhận phần yêu cầu nuôi con chung của ông T.

Xét, lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí sơ thẩm: Đương sự nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, các Khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 228, Khoản 1 Điều 238, Điều 266, Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 85, 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Công nhận sự thỏa thuận của ông Lê Minh T và bà Phan Thị Bích L về vấn đề quan hệ hôn nhân.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Minh T và bà Phan Thị Bích L thuận tình ly hôn.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Giấy chứng nhận kết hôn số 13, quyền số 01/2013 do UBND phường P cấp cho ông T và bà L ngày 04/6/2013 không còn giá trị pháp lý.

2. Tuyên xử.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Minh T về việc tranh chấp nuôi con chung:

Giao cháu Lê Hoàng Minh N, sinh ngày 26/4/2014, cháu Lê Hà M, sinh ngày 15/5/2019 cho bà Phan Thị Bích L trực tiếp nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai có quyền cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom con để gây khó khăn, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con của người trực tiếp nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung đối với người không trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: ông Lê Minh T cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 3.000.000đ (ba triệu đồng)/02 con, đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, nếu người có nghĩa vụ cấp dưỡng chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì còn phải nộp tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Vì quyền và lợi ích hợp pháp của các con chung là cháu Lê Hoàng Minh N và cháu Lê Hà M, khi các đương sự có yêu cầu Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con nếu cần thiết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

## 2. Về án phí sơ thẩm:

+ Ông Lê Minh T nộp 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân; 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con, tổng số tiền ông T nộp là 450.000đ (Bốn trăm năm mươi nghìn đồng) được trừ vào toàn bộ vào số tiền tạm ứng 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0050208 ngày 14/7/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Ông T còn phải nộp số tiền 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

+ Bà Phan Thị Bích L nộp 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân.

3. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo luật định.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật thi hành án dân sự./.

## Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- CCTHADS Tp. Thủ Dầu Một;
- Đương sự;
- Lưu: HSYA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Hoa Hạnh**

